TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC MÊ** TỈNH HÀ GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2019/HS-ST
Ngày 18-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cù Văn Minh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Anh.
Bà Dương Thị Ngọc Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BM, tỉnh HG tham gia phiên tòa: Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BM, tỉnh HG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S; (Tên gọi khác: Nguyễn Văn H); Sinh ngày 13 tháng 06 năm 1980, tại: huyện QB, tỉnh HG; HKTT: Thôn TN, xã TTr, huyện QB, tỉnh HG; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do: Con ông Nguyễn Văn Tr, Sinh năm 1957 và con bà Triệu Thị K - Sinh năm 1952; Anh, chị, em ruột: Có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ, con: có vợ là Hoàng Thị H, Sinh năm 1982 (đã ly hôn năm 2014) Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền sự: Không. Tiền án: Không; Bị cáo Nguyễn Văn S bị bắt tạm giam từ ngày 18/10/2018 hiện đang áp dụng biện pháp tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện BM, tỉnh HG (Có mặt).

Người bị hại:
- Lã Thị H, sinh ngày 15/04/1971; Nơi cư trú: Thôn NS, xã MN, huyện BM, tỉnh HG (Có mặt).
- **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn NN, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG (Có mặt).
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
- Triệu Thị K, sinh ngày 13 tháng 02 năm 1952, Nơi cư trú: Thôn V, xã TTr, huyện QB, tỉnh HG (Có mặt).
- Nguyễn Thị B, sinh năm 1972; Nơi cư trú:Thôn NN, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG (Có mặt).
Người làm chứng:

- **Lã Văn Kh**, sinh ngày 16 tháng 9 năm 1973; Nơi cư trú: Thôn NL, xã MN, huyện BM, tỉnh HG (Có mặt).

- **Nông Văn Th**, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Tổ 5, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG (Có mặt).

- **Hoàng Văn Kh**, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn NN, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG (Có mặt).

- **Lường Thị L**, sinh ngày 30 tháng 5 năm 1983; HKTT: Xã TK, huyện BQ, tỉnh HG; Nơi cư trú: Thôn NN, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2017 Nguyễn Văn S quen biết và có mối quan hệ yêu đương với Lường Thị L - giáo viên đang công tác tại trường mầm non, xã GTr, huyện BM nhưng đang ở thuê phòng trọ của gia đình ông Nguyễn Văn V tại thôn NN, thị trấn YP, huyện BM. Trong những lần nói chuyện với nhau, Nguyễn Văn S có nói với L *"Em lên trên huyện BM hỏi xem có ai xin đi làm không, anh có người quen ở Sở nội vụ tỉnh, có thể xin được việc cho người đã học ra trường chưa có việc làm, anh đã xin được cho một người đi làm ở huyện HSP rồi",* do L đang ở trọ của gia đình ông Nguyễn Văn V và biết cháu Nguyễn Thị H là con gái ông V, đã học xong trường Cao đẳng sư phạm, hệ Mầm Non chưa có việc làm, L đến hỏi ông V là: *"Gia đình anh chị có nhu cầu xin cho cháu H đi làm không, em có người quen có thể xin được việc",* sau hai lần L đến hỏi gia đình ông V, ông V có hỏi người có thể xin được việc là ai thì L trả lời *"Anh ấy tên là S nhà ở xã TTr, huyện QB, tỉnh HG"*, ông V nói*" Chắc anh chị không xin cho cháu đâu, vì không biết anh S là ai và hiện nay chưa có tiền",* nghe ông V nói vậy, Lường Thị L có gọi điện thoại thông báo cho S biết L đã trao đổi với gia đình ông V, S trả lời để hôm nào S sẽ lên trực tiếp nói chuyện với ông V.

Chiều ngày 24/02/2017 Nguyễn Văn S lên phòng trọ của L, khi thấy ông V đi làm về qua phòng trọ, L gọi ông V dừng xe lại và nói cho ông V biết S đang ở đây, ông V đi vào phòng trọ thì gặp S, hai người nói chuyện rồi ông V hẹn S tối lên nhà ăn cơm rồi trao đổi cụ thể, chiều tối cùng ngày L đưa S đến nhà ông V, tại nhà ông V S nói cho ông V biết *"Em có người quen làm ở Sở trên tỉnh, xin được việc cho những người học xong chưa có việc làm, hiện nay có một suất đi dậy học Mầm non ở huyện YM hoặc huyện QB với giá là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), trong ba tháng sẽ đi làm, sẽ đi làm biên chế luôn không cần phải thi tuyển"* do tin tưởng nên ông V đồng ý xin việc cho con gái (Nguyễn Thị H) với giá tiền là 170.000.000,đ *(Một trăm bảy mươi triệu đồng)* hai bên thỏa thuận với nhau ông V đưa trước cho S 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* và một bộ hồ sơ xin việc, quá trình giao tiền Lường Thị L viết hộ giấy với hình thức là giấy vay tiền *(Ông V có mời ông Hoàng Văn Kh, người hàng xóm đến ký tên người chứng kiến).* Sau khi nhận tiền của ông V được khoảng 10 ngày S gọi điện thoại thông báo cho ông V đã nộp hồ sơ và đề nghị ông V giao thêm tiền cho S.

Do không đủ tiền giao cho S, ngày 09/3/2017 ông Nguyễn Văn V gọi điện thoại cho ông Lã Văn Kh *(Sinh năm: 1973, trú tại thôn NL, xã MN, huyện BM, là anh họ của ông V)* để vay tiền xin việc cho cháu H, ông Kh đồng ý cho ông V vay số tiền 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*, sáng ngày 10/03/2017 ông Nguyễn Văn V đến nhà ông Kh để vay tiền, ông V nói cho ông Kh biết là đã nhờ S xin việc cho cháu H và chiều ngày 10/03/2017 S sẽ đến nhà ông V để nhận thêm tiền. Do có con gái học Đại học ra trường chưa có việc làm, ông Kh cũng muốn xin việc cho con, ông Kh nói với ông V *"Chiều nay anh sẽ lên nhà chú gặp ông S xem như thế nào"*. Khoảng 18 giờ cùng ngày ông Kh đi đến nhà ông V, ngồi uống nước được một lát thì thấy S đến nhà ông V, sau khi trao đổi ông V đã giao thêm cho S số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)*, ông Kh chứng kiến và cùng ký vào giấy vay tiền do S tự viết, rồi ông Kh ăn cơm tối cùng gia đình ông V trong đó có S tại nhà ông V. Trong khi ăn cơm ông Kh có hỏi S: *"Anh có con học Đại học ra trường chưa có việc làm, không biết có xin được việc không"* S hỏi ông Kh*:"Con anh là con trai hay con gái, học xong chuyên ngành gì",* ông Kh trả lời *"Con anh học trường Đại học khoa học - Xã hội Nhân văn Đại học quốc gia Hà Nội, chuyên ngành văn học",* S nói: *"Thế thì được con anh em sẽ xin được vào một trong hai ngành: một là vào làm ở Ban tuyên giáo tỉnh ủy, hai là làm giáo viên cấp 3 chuyên văn"*, ông Kh tiếp tục hỏi S *"Chú có chắc chắn xin được việc cho con anh thật không"* S nói *"Con anh có bằng Đại học thì em chắc chắn xin được việc cho con anh, em đã xin được cho nhiều người rồi, trong đó có cô L là giáo viên trường Mầm non xã Giáp Trung, trường hợp con của anh phải 180.000.000đ* " nghe thông tin sang đưa ra nên ông Kh tin tưởng sau đó, ông Kh và S thống nhất số tiền xin việc cho con gái của ông Kh là 180.000.000đ *(Một trăm tám mươi triệu đồng)*, sau khi mọi người ăn cơm xong thì ông Kh đi về nhà.

Sáng ngày 11/03/2017 trên đường từ huyện BM về, S đi vào nhà ông Lã Văn Kh *(Tại thôn NL, xã MN, huyện BM)* hướng dẫn ông Kh làm thủ tục hồ sơ rồi hẹn 03 ngày sau sẽ lên nhà ông Kh lấy số tiền 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)* và hồ sơ xin việc. Được ba ngày sau, S đến nhà ông Kh nhận tiền và hồ sơ, do chưa chuẩn bị đủ số tiền như đã thống nhất, ông Kh giao trước cho S số tiền 50.000.000,đ *(Năm mươi triệu đồng)* và một bộ hồ sơ xin việc của con gái ông Kh, cùng thời điểm trên có bà Lã Thị H *(Sinh năm 1971 trú tại thôn NS, xã MN, huyện BM là chị gái ruột của ông Kh)* lên nhà ông Kh chơi, qua nghe ông Kh và S nói chuyện và giao nhận tiền bà H biết ông Kh đưa tiền cho S là để xin việc cho con gái ông Kh. Sau khi nhận số tiền 50.000.000,đ *(Năm mươi triệu đồng)* và 01 bộ hồ sơ đến khoảng 03 ngày sau S điện thoại thông báo cho ông Kh biết đã nộp hồ sơ và tiền cho "Sếp" để chắc chắn hơn ông Kh phải giao thêm 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* nữa, do tin tưởng S và nghĩ con mình sẽ được đi làm ông Kh chuẩn bị thêm 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* và gọi điện thoại rủ bà Lã Thị H và ông Nguyễn Văn V cùng đi đến nhà S giao tiền cho S.

Vào buổi sáng một ngày trong tháng 03/2017 ông Lã Văn Kh điều khiển xe ô tô chở bà Lã Thị H và ông Nguyễn Văn V đi đến nhà Nguyễn Văn S tại thôn TN, xã TTr, huyện QB, tỉnh HG, khi đến nhà S thì Lường Thị L cũng đang có mặt tại đó, khi nói truyện S có nói với ông Kh " *Hồ sơ của con anh sếp nhận rồi anh yên tâm, chắc chắn cháu sẽ được đi làm*" sau đó ông Kh đưa tiếp cho S số tiền

50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* và một bộ hồ sơ xin việc nữa, S có viết giấy vay tiền và ông V ký tham gia chứng kiến, tổng số tiền S đã nhận của ông Kh là 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)* và hai bộ hồ sơ xin việc. Ngay sau đó bà Lã Thị H có hỏi S về trường hợp của con trai bà H đã học Trung cấp Sư phạm chuyên ngành tiểu học, đã đi làm hợp đồng hai năm chưa xin được việc thì S trả lời *" Nếu đã đi làm hợp đồng rồi thì chắc là được, để em hỏi các sếp đã, nếu được em sẽ liên lạc với chị sau"*, sau đó S hỏi lấy số điện thoại di động của bà H, rồi ông Kh, bà H, ông V đi về nhà.

Khoảng một tuần sau S tiếp tục gọi điện thoại cho ông Kh hỏi lấy nốt số tiền 80.000.000đ *(Tám mươi triệu đồng)* cho đủ 180.000.000đ *(Một trăm tám mươi triệu đồng)*, ông Kh không chuẩn bị được số tiền còn lại và trong thời gian này con gái ông Kh cũng không muốn về làm tại HG mà muốn làm tại HN vì thu nhập ổn định hơn, ông Kh có hỏi bà H vay thêm tiền để giao cho S nhưng bà H chưa vay được tiền ngân hàng nên ông Kh thông báo cho S là ông Kh không xin việc cho con gái nữa. Trong thời điểm này S cũng điện thoại cho bà H thông báo S đã hỏi trường hợp con của bà H và đã được đồng ý nhận lời xin cho đi làm với giá là 180.000.000đ *(một trăm tám mươi triệu đồng)*, do chưa có tiền nên bà H hỏi ông Kh để chuyển số tiền trước đó ông Kh đã giao cho S xin việc cho con ông Kh sang cho bà H vay để xin việc cho con dâu bà H trước, (*con dâu bà H học Trung cấp hệ Mầm non*) ông Kh đồng ý, bà H điện thoại thông báo cho S biết đã thống nhất với ông Kh việc chuyển tiền của ông Kh sang tên bà H, S đồng ý lời đề nghị của bà H.

Ngày 22/03/2017 S đến nhà ông Kh gặp ông Kh và bà H, bà H hỏi S "*có chắc chắn xin được việc cho con dâu chị không*", S trả lời*: " chắc chắn xin được vì đã xin được cho nhiều người rồi, trong đó có cô L hiện làm giáo viên xã GT"*, do tin tưởng bà H đồng ý xin việc cho con dâu *(Tang Thị T)* với giá 180.000.000đ *(một trăm tám mươi triệu đồng)* chuyển số tiền của ông Kh sang 100.000.000đ *(một trăm triệu đồng)* bà H đưa thêm cho S 20.000.000đ *(hai mươi triệu đồng)*, hủy giấy vay giữa ông Kh và S và viết giấy vay với bà H là 120.000.000đ *(Một trăm hai mươi triệu đồng)* và nhận một bộ hồ sơ xin việc của con dâu bà H, sau đó vài ngày S điện thoại thông báo cho bà H biết đã nộp hồ sơ của con dâu bà H và bảo bà H giao nốt số tiền còn lại, do chưa chuẩn bị được tiền nên bà H nói cho S biết sẽ giao cho S thêm 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)*, khi nào có Quyết định đi làm sẽ giao nốt số tiền còn lại.

Ngày 29/03/2017 Nguyễn Văn S điện thoại yêu cầu ông V và bà H mang thêm tiền ra thành phố HG giao cho S, bà H và ông V hẹn gặp S tại nhà Tâm Thái, tổ 9, phường NH, thành Phố HG *(Nhà em chồng của bà H)*, tại đây ông Nguyễn Văn V giao cho S số tiền là 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng)*, bà H giao cho S số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)*, S viết giấy vay nợ cho cả hai người rồi ra về. Tổng số tiền nhận của bà H là 150.000.000đ *(một trăm năm mươi triệu đồng).*

Đến ngày 28/05/2017 Nguyễn Văn S tiếp tục điện thoại cho ông V đề nghị ông V giao số tiền còn lại và hẹn gặp tại quán bán nước phía sau cổng Bệnh viện tỉnh HG, tại đây ông Nguyễn Văn V giao tiếp số tiền là 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)*. Tổng số tiền nhận của ông V là 170.000.000đ *(Một trăm bảy mươi triệu đồng).*

Cuối năm 2017 không thấy con gái, con dâu được đi làm, ông Nguyễn Văn V và bà Lã Thị H đã nhiều lần đòi lại số tiền đã đưa, nhưng Nguyễn Văn S khất lần khất lượt, ngày 29/5/2018 và ngày 31/05/2018 ông Nguyễn Văn V bà Lã Thị H có đơn trình báo về việc ông Nguyễn Văn S có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của hai gia đình ông V, bà H.

Ngày 24/07/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện BM đã ra quyết định trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký trong các giấy vay tiền do ông Nguyễn Văn V và bà Lã Thị H giao nộp. Ngày 06/08/2018 phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh HG đã có kết luận giám định số 267, kết luận chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Văn S dưới mục " người vay" tại trang 1, trang 2 và trang 3 trên tài liệu cần giám định ký hiệu là A1 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Văn S trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu là M1, M2 do cùng một người viết và ký. Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Văn S trên tài liệu cần giám định ký hiệu là A2 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Văn S trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết và ký ra.

Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập được, ngày 28/9/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyên BM đã khởi tố vụ án hình sự số 21 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 16/10/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện BM, tỉnh HG đã ra Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đồng thời ra lệnh khám xét nơi ở của Nguyễn Văn S.

Qua khám xét nơi ở cơ quan CSĐT Công an huyện BM phát hiện và thu giữ một số giấy tờ, tài liệu gồm 01 (một) giấy nộp tiền ngày 05/12/2016; 05 (năm) giấy vay tiền giữa ông Nguyễn Hữu H và Nguyễn Văn S; 01 (một) giấy hẹn ngày 01/4/2018; 01 (một) danh sách ghi tên 06 người, trong đó có tên Nguyễn Thị H và Tang Thị T.

Ngày 01/11/2018 cơ quan CSĐT Công an huyện BM đã trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết trong các tài liệu mà cơ quan điều tra phát hiện và thu giữ trong quá trình khám xét.

Ngày 20/11/2018 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh HG có kết luận giám định số 372, kết luận chữ ký và chữ viết trong các giấy hẹn và giấy vay nợ, giấy cam kết trả nợ là do Nguyễn Hữu H ký và viết ra.

Trước cơ quan điều tra bị can Nguyễn Văn S thừa nhận đã đưa ra thông tin và nhận tiền của ông Nguyễn Văn V và bà Lã Thị H để xin việc cho con gái ông V và con dâu bà H với tổng số tiền là 320.000.000đ *(Ba trăm hai mươi triệu đồng)*, trong đó số tiền của ông V là 170.000.000đ *(Một trăm bảy mươi triệu đồng)*, của bà H 150.000.000đ *(Một trăm năm mươi triệu đồng),* toàn bộ số tiền lấy được của ông V và bà H, S khai đã đưa cho Nguyễn Hữu H – sinh năm 1983, trú tại tổ 17, phường TP, thành phố HG, tỉnh HG *(Nguyên là cán bộ công tác tại sở nội vụ tỉnh HG),* S giữ lại 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* và đã tiêu sài cá nhân hết.

Cơ quan CSĐT Công an huyện BM đã tiến hành xác minh tại cơ quan và nơi ở của Nguyễn Hữu H được biết: Nguyễn Hữu H nguyên là cán bộ công tác tại sở nội vụ tỉnh HG từ năm 2007, chức vụ công tác là cán bộ công chức phòng xây dựng chính quyền và công tác thanh niên. Do tự ý nghỉ việc từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 7 năm 2018, ngày 04/7/2018 Giám đốc sở Nội vụ tỉnh HG đã ra quyết định

xử lý buộc thôi việc, hiện nay Nguyễn Hữu H không có mặt tại địa phương, cơ quan CSĐT Công an huyện BM ra Thông báo truy tìm nhưng đến nay chưa xác định được Nguyễn Hữu H đang ở đâu.

* Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện BM đã thu giữ một số giấy tờ, tài liệu liên quan gồm:

01 *(một)* giấy vay tiền giữa bị can Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Văn V, trong đó ghi các ngày: 24/02/2017 số tiền 50.000.000đ; ngày 10/3/2017 số tiền 50.000.000đ; ngày 29/3/2017 số tiền 40.000.000đ; ngày 28/5/2017 số tiền 30.000.000đ. Tổng số tiền là 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*);

01 *(một)* giấy vay tiền giữa bị can Nguyễn Văn S và bà Lã Thị H trong đó ngày 22/3/2017 số tiền 120.000.000đ; ngày 29/3/2017 số tiền 30.000.000đ. Tổng số tiền là: 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*);

01 *(một)* bộ Hồ sơ mang tên Tang Thị T, sinh ngày 23/4/1990; địa chỉ thôn NS, xã MN, huyện BM, tỉnh HG Trong hồ sơ có: 01 sơ yếu lý lịch tự thuật; 01 giấy khai sinh (bảo sao); 01 giấy khám sức khỏe; 01 Bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hệ bổ túc (bản sao); 01 Bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp (bản phô tô); 01 Bảng điểm (bản phô tô); 01 Chứng chỉ ngoại ngữ (bản phô tô); 01 Chứng chỉ tin học (bản phô tô); 01 Quyết định hợp đồng lao động số 1445 ngày 20/10/2015 của Phòng giáo dục đào tạo huyện BM, tỉnh HG; 01 Học bạ *(Toàn bộ số giấy tờ có trong hồ sơ đều mang tên Tang Thị T là con dâu bà H).*

01 (một) giấy nộp tiền ngày 05/12/2016; 05 (năm) giấy vay tiền giữa ông Nguyễn Hữu H và Nguyễn Văn S; 01 (một) giấy hẹn ngày 01/4/2018; 01 (một) danh sách ghi tên 06 người, trong đó có tên Nguyễn Thị H và Tang Thị T.

01 (một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J5 PRIME, màu trắng - vàng cũ đã qua sử dụng hiện đã được niêm phong.

Trong quá trình điều tra và giai đoạn truy tố bị can Nguyễn Văn S đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả và đã trả lại cho gia đình ông Nguyễn Văn V số tiền 25.000.000đ *(Hai mươi năm triệu đồng);* gia đình bà Lã Thị H số tiền 15.000.000đ *(Mười năm triệu đồng).* Nay ông V, bà H đề nghị bị can Nguyễn Văn S phải trả cho gia đình ông Vân số tiền 145.000.000đ; trả cho gia đình bà Huy số tiền 135.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKSBM ngày 04/06/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BM đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội *"Lừa đảo chiếm đoat tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện VKS giữ quyền công tố đã kết luận và phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử.

Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 174; Điều 38, Điều 50;điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Điều 54 BLHS và đề nghị HĐXX:

Về hình sự: Tuyên bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; *Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 48 tháng đến 54 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày* bị bắt tạm giam 18/10/2018*;*

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà

nước 01 (một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J5 PRIME, màu trắng - vàng cũ đã qua sử dụng hiện đã được niêm phong.

Về dân sự: Áp dụng khoảng 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải trả cho:

Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1971, trú tại thôn NN, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG, số tiền còn lại là 145.000.000đ *(Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng chẵn).*

Bà Lã Thị H, sinh ngày 15/04/1971, trú tại thôn NS, xã MN, huyện BM, tỉnh HG, số tiền còn lại là 135.000.000đ *(Một trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn*.

Về án phí*: bị cáo chịu án phí Dân sự có giá ngạch và án phí HSST theo quy định của pháp luật.*

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn S thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng và khai nhận đã đưa ra thông tin là " *Có người quen ở trên sở tỉnh, có thể xin được cho những người đã học ra trường chưa có việc làm, trong thời gian 3 tháng sẽ có quyết định đi làm luôn, không phải qua thi tuyển*" để ông Nguyễn Văn V và bà Lã Thị H tin tưởng giao tiền cho S để xin việc cho con gái và con dâu; Nguyễn Văn S đã nhận số tiền xin việc của ông Nguyễn Văn V với tổng số tiền là 170.000.000đ *(Một trăm bảy mươi triệu đồng);* bà Lã Thị H với tổng số tiền 150.000.000đ *(Một trăm năm mươi triệu đồng),* bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn V, đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền còn lại cho ông V là 145.000.000đ *(Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng)* cùng tiền lãi của số tiền này theo lãi suất 7%/năm tại Ngân hàng nông nghiệp huyện BM tính từ ngày 28/5/2017 cho đến ngày xét xử *(Ngày ông V giao đủ cho S số tiền 170.000.000đ)* và số tiền 1.300.000,đ *(Một triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn)* đây là số tiền thuê xe và tiền ăn ông V phải chi do bị cáo S đã lừa ông đi ra HG nhận tiền nhưng không có nên bị cáo phải trả số tiền này cho ông. Riêng bà Lã Thị H chỉ yêu cầu bị cáo trả cho bà số tiền 135.000.000đ *(Một trăm ba mươi lăm triệu đồng)* trong thời gian ngắn nhất. Đối với các bản sao giấy tờ, hồ sơ đã đưa cho S để xin việc Cơ quan điều tra đã thu giữ ông V, bà H không yêu cầu lấy lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị K khai và xác nhận mình là mẹ đẻ của Nguyễn Văn S, do con đã lớn và ở riêng nên bà không biết việc của S đã làm, khi biết sự việc sảy ra S có nhờ bà trả tiền hộ, bà đã lấy được 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn) là tiền làm thuê của S, số tiền còn lại là tiền tiết kiệm của bà, hộ S trả cho ông V được 25.000.000đ*(Hai mươi lăm triệu đồng chẵn)* trả cho bà H được 15.000.000đ *(Mười lăm triệu đồng chẵn)* nay bà không đề nghị S phải trả lại số tiền bà đã trả hộ đó.

Bà Nguyễn Thị B khai và xác nhận ông Nguyễn Văn V, là chồng bà đã đưa cho S số tiền tổng cộng 170.000.000đ *(Một trăm bảy mươi triệu đồng chẵn)* và hồ sơ để xin việc làm cho con gái nhưng không được, ông V đã làm đơn báo Cơ quan Công an việc bị S lừa đảo, trong quá trình cơ quan Công an đang điều tra thì bà K là mẹ đẻ của S có trả hộ S cho gia đình bà số tiền 25.000.000đ *(Hai mươi lăm triệu đồng chẵn)* nay S bị đưa ra xét xử bà không có ý kiến đề nghị gì vì đã để ông V chồng bà đề nghị với cơ quan pháp luật về số tiền đã đưa cho S.

Ông Lã Văn Kh khai và xác nhận ông và bà H có quan hệ anh em trong gia đình, trước đây ông có đưa trước cho S số tiền 100.000.000đ*(Một trăm triệu đồng)* để xin việc cho con, sau đó do con ông không muốn về làm việc tại HG nữa nên ông và bà H đã thỏa thuận cho bà H vay số tiền của ông Kh đã đưa cho S được chuyển sang để tính vào xuất xin việc cho con dâu bà H, việc thỏa thuận này được S đồng ý hủy giấy vay giữa ông Kh với S viết lại giấy S vay tiền với bà H.

Lường Thị L khai và xác nhận có trao đổi với ông Nguyễn Văn V là có người quen là S có thể hộ ông V xin được việc cho con gái, có được chứng kiến việc giao nhận và viết hộ giấy giao nhận tiền giữa ông V và S ngoài ra không biết và tham gia gì cùng S cũng như không được hưởng lợi gì.

Những người làm chứng khác ông Kh, ông Th khai và xác nhận không biết giữa người bị hại và S thỏa thuận nội dung chi tiết việc nhờ xin việc và đưa tiền như thế nào nhưng bản thân có lần chứng kiến người bị hại trao tiền cho S và có ký tên chứng kiến với hình thức trên giấy viết tay vay tiền để nhờ xin viêc.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo và những người tham gia tố tụng đều nhất trí với quyết định khởi tố, truy tố của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện BM.

Bị cáo Nguyễn Văn S đã nhận thấy hành vi lừa đảo của mình là sai, gây thiệt hại cho các bị hai, bị cáo rất ân hận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện của bị cáo hiện đang là lao động chính, con bị cáo còn nhỏ cần người chăm sóc, gia đình bị cáo còn nhiều khó khăn, để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ để có điều kiện giúp bị cáo sớm được về giúp đỡ mẹ già, con nhỏ và hứa không vi phạm pháp luật nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]*Về hành vi tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên,Viện kiểm sát, Kiểm sát viên*: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong điều tra, truy tố thực hiện đều hợp pháp.

[2]*Căn cứ buộc tội :* Trong qua trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn S, đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng trong vụ án. Các chứng cứ trong hồ sơ phù hợp với bản phúc cung ngày 28/05/2019 của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BM, tỉnh HG. Bị cáo Nguyễn Văn S dù không có khả năng xin việc làm cho người khác nhưng vẫn có lời nói gian dối khẳng định là mình có người quen làm việc tại Sở nội vụ để tạo tin tưởng đối với vợ chồng ông V, bà B và bà H, để chiếm đoạt tổng số tiền của hai bị hại là 320.000.000đ (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*). Đây là số tiền lớn, là tài sản thuộc sở hữu của các bị hại

là khách thể được Bộ luật hình sự bảo vệ. Tại bản cáo trạng số 06/VKSBM của Viện kiểm sát nhân dân huyện BM truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]*Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn S là hành vi nguy hiểm cho xã hội và rất nghiêm trọng vì không chỉ gây thiệt hại về tài sản của hai bị hại mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Với việc lợi dụng mối quan hệ quen biết, anh em họ hàng, sự cả tin, nhu cầu muốn có việc làm của nhân dân để chiếm đoạt tài sản *(Tiền)* có giá trị lớn của các bị hại. Cần được xử lý nghiêm và buộc phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo thành một công dân có ích cho xã hội với mức hình phạt tương sứng là cần thiết. Cần tiếp tục tạm giam bị cáo S để đảm bảo thi hành án.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo:*

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Tuy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội lại đơn giản, không có tính chất đồng phạm, có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi trái pháp luật của mình đã gây ra, tại giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo đã tác động đến gia đình (Mẹ đẻ) bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại là ông V, bà H. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5]Xét đề nghị của VKS tại phiên tòa : Việc KSV đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 tuyên bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" ; áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 BLHS giảm nhẹ hình phạt và chuyển khung hình phạt từ khoản 3 xuống khoản 2 để cho bị cáo được hưởng mức hình phạt từ 48 đến 54 tháng tù đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo nên cần được chấp nhận để cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

[6] *Đối với Nguyễn Hữu H:* Qua lời khai của Nguyễn Văn S và các tài liệu trong hồ sơ thể hiện bị cáo đã chuyển gần hết số tiền chiếm đoạt được cho Nguyễn Hữu H bằng các giấy vay tiền và khất trả nợ nhưng từ ngày 04/7/2018 Nguyễn Hữu H đã bị đuổi việc và không có mặt tại địa phương Cơ quan điều tra đã ra thông báo tìm kiếm nhưng chưa có kết quả, tuy nhiên từ các tài liệu thu thập được thu thập được thì H vay tiền và khất nợ bị cáo, do đó không có cơ sở kết luận Nguyễn Hữu H có liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã tách hành vi của Nguyễn Hữu H ra để điều tra, xử lý khi tìm thấy H nên HĐXX không xem xét.

[7] *Đối với Lường Thị L:* Là người trực tiếp hỏi người có nhu cầu xin việc theo yêu cầu của Nguyễn Văn S, là người giới thiệu Nguyễn Văn S có thể xin được việc cho con gái ông V và có mặt, viết hộ giấy vay tiền giữa bị cáo với ông V tuy nhiên kết quả điều tra cho thấy Lường Thị L không liên quan đến vụ án vì chỉ là người hỏi giúp, theo yêu cầu chứ không có sự bàn bạc, thống nhất mang tính chất đồng phạm hoặc được hưởng lợi từ tài sản chiếm đoạt được vì vậy Lường Thị L

không bị Cơ quan điều tra truy tố là có cơ sở nên Lường Thị L được triệu tập tham gia tố tung với tư cách người làm chứng là chính xác.

[8] ***Đối với Ông Lã Văn Kh:*** Là người nhờ S xin việc cho con và có đưa trước cho S số tiền 100.000.000đ*(Một trăm triệu đồng)* tuy nhiên sau đó do con ông không muốn về HG làm việc nữa nên số tiền của ông Kh đã đưa S được chuyển sang cho xuất xin việc cho con dâu bà H theo thỏa thuận giữa ông Kh, bà H với S, được thể hiện bằng việc hủy giấy vay tiền giữa ông Kh và S viết thành giấy vay nợ giữa bà H và S sau đó bà H đã trả cho ông Kh đủ số tiền 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)* do đó HĐXX không xem xét.

[9]*Đối với những người có quyền lợi liên quan đến vụ án:*

Trong vụ án này có Bà Nguyễn Thị B là vợ ông Nguyễn Văn V nhưng mọi giao dịch đều do ông V trực tiếp thực hiện nên bà không đề nghị gì. Còn bà Triệu Thị K là mẹ đẻ của bị cáo S, có thu xếp tiền tiết kiệm của minh để bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại trong đó ông V là 25.000.000đ*(Hai mươi lăm triệu đồng chẵn),* bà Lã Thị H là 15.000.000đ *(Mười lăm triệu đồng chẵn)*. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà K không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền bà đã trả hộ nên HĐXX không xem xét.

[10]*Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000, đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc .... " do đó bị cáo S còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung, tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, hiện sống một mình đang còn có con nhỏ phải nuôi dưỡng, không có công việc và thu nhập ổn định... Do đó HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[11]*Về vật chứng:* Quá trình điều tra Cơ quan điều tra có thu giữ một số vật chứng. HĐXX xét thấy:

Đối với vật chứng là các giấy tờ, tài liệu, cơ sở dữ liêu hiện nằm trong hồ sơ vụ án, một phần là bản chính viết tay, phần còn lại chỉ là bản pôtô, in sao có xác nhận Cơ quan điều tra đã thu giữ là vật chứng có ý nghĩa chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không yêu cầu trả lại nên HĐXX không đề cập xem xét.

Đối với vật chứng 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J5 PRIME, màu trắng - vàng, màn hình cảm ứng (IMEL: 355079/08/617979/8 IMEL:355080/08/617979/6), màn hình bị rạn nứt, điện thoại cũ đã qua sử dụng; HĐXX xét thấy đây là công cụ liên lạc dùng trong quá trình phạm tội của bị cáo nên cần áp dụng điểm a, khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ nhà nước.

[12]*Về dân sự:* Trong quá trình xét hỏi ông V đề nghị bị cáo phải trả số tiền chưa trả còn lại là 145.000.000đ *(Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng)* và số tiền ăn, tiền xe là 1.300.000đ; ngoài ra con phải chịu lãi 7%/năm của số tiền 145.000.000đ mà bị cáo chưa trả kể từ ngày 28/5/2017 cho đến ngày xét xử. Tuy nhiên đến phần tranh luận ông V chỉ yêu cầu bị cáo phải trả nốt số tiền còn lại là 145.000.000đ còn các đề nghị khác ông V không yêu cầu nữa đây là sự tự nguyện của ông V không trái pháp luật nên được chấp nhận. HĐXX thấy cần buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải trả cho ông V là 145.000.000đ *(Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng)* và trả cho bà H

là 135.000.000đ *(Một trăm ba mươi lăm triệu đồng)* theo yêu cầu của các bị hại là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[13]*Về án phí*: Do bị cáo phải bồi thường về phần dân sự nên bị cáo phải chịu án phí dân sự có giá ngạch. Căn cứ khoản 2, Điều 136 BLTTHS 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu án phí HSST và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S (Tên gọi khác Nguyễn Văn H) phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

2.Về hình phạt: Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 174; Điều 38, Điều 50; điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 54 BLHS năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Nguyễn Văn S (Tên gọi khác Nguyễn Văn H) 48 *(Bốn mươi tám)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 18/10/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn S với thời hạn là 45 (*bốn mươi lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án.

3.Về hình phạt bổ sung: Không.

4.Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự ; điểm a khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự .

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J5 PRIME, màu trắng - vàng, màn hình cảm ứng (IMEL: 355079/08/617979/8 IMEL:355080/08/617979/6), màn hình bị rạn nứt, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Điều tra Công an huyện BM và chi cục Thi hành án dân sự huyện BM lập ngày 04 tháng 6 năm 2019).

5.Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự. buộc bị cáo Nguyễn Văn S có trách nhiệm:

- Trả cho ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1971, trú tại thôn NN, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG, số tiền 145.000.000đ *(Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng).*

- Trả cho bà Lã Thị H, sinh ngày 15/04/1971, trú tại thôn NS, xã MN, huyện BM, tỉnh HG, số tiền 135.000.000đ *(Một trăm ba mươi lăm triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật TTHS 2015; khoản 1 Điều 6,

khoản 1, khoản 3 Điều 21, khoản 1 Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồn*g) án phí hình sự sơ thẩm và 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng bị cáo phải chịu là 14.200.000đ (*Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng*).

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7.Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nếu vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND tỉnh HG, huyện BM;
- THA Hình sự Công an BM;
- Cơ qua Điều tra Công an BM;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNV liên quan đến vụ án;
- Chi cục THADS huyện BM;
- Sở tư pháp tỉnh HG;
- Phòng PV06 CA tỉnh HG;
- UBND xã TTr, huyện QB, tỉnh HG;
- UBKT huyện ủy QB;
- Phòng PC 10 CA tỉnh HG;
- Lưu HS./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Cù Văn Minh